

Số: 441 / 2020/ CBTT – KGR

V/v công bố thông tin
Báo cáo tài chính hợp nhất
quý 2 năm 2020

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
3. Mã số doanh nghiệp: 0101360104
4. Điện thoại: 024.36281699
5. Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Thanh Hà – Phó Tổng Giám đốc
6. Loại thông tin công bố:
 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: Công bố thông tin báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2020
8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty www.kangaroo.vn.

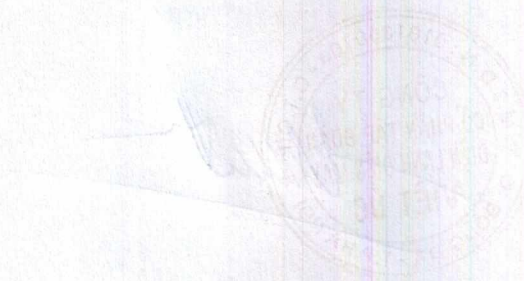
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:
-Nhu trên;
-Lưu VT;

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ
THÔNG TIN



Phạm Thị Thanh Hà



THE BANK OF AMERICA
AT NEW YORK



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN MÁY ĐIỆN LẠNH VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q2.2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		492.073.807.809	383.413.220.223
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.796.756.038	3.451.096.605
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.796.756.038	3.451.096.605
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		260.945.805.836	253.441.838.278
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	259.155.036.439	251.122.990.857
<i>Nguyên giá</i>	222		355.419.779.132	329.655.526.763
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(96.264.742.693)	(78.532.535.906)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.790.769.397	2.318.847.421
<i>Nguyên giá</i>	228		4.324.760.000	4.209.760.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.533.990.603)	(1.890.912.579)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.040.726.497	13.203.216.126
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	15.040.726.497	13.203.216.126
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		92.130.400.000	43.205.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	72.130.400.000	23.205.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.000.000.000	20.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		121.160.119.438	70.112.069.214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	61.826.674.230	68.549.468.417
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.856.680.686	1.562.600.797
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		57.476.764.522	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.816.336.959.831	1.575.420.509.543

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN MÁY ĐIỆN LẠNH VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q2.2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.324.263.152.022	1.192.007.289.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.030.692.818	29.405.717.589
1. Tiền	111		64.030.692.818	29.405.717.589
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.936.165.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.936.165.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		636.509.472.156	697.937.294.901
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	602.405.788.564	590.402.784.034
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.814.667.576	105.926.687.596
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	11.799.564.424	8.283.758.470
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.510.548.408)	(7.544.044.012)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	-	868.108.813
IV. Hàng tồn kho	140		570.707.329.120	433.217.781.257
1. Hàng tồn kho	141	V.8	572.943.011.703	435.951.203.912
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.235.682.583)	(2.733.422.655)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.079.492.928	31.446.495.573
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	7.618.261.857	6.420.037.879
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.460.122.326	25.021.981.869
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.108.745	4.475.825
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN MÁY ĐIỆN LẠNH VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q2.2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		873.335.107.462	780.880.582.998
I. Nợ ngắn hạn	310		873.016.925.644	724.891.992.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	134.099.904.147	107.543.327.709
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	4.104.897.533	6.993.300.244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	29.327.792.359	21.058.634.020
4. Phải trả người lao động	314		39.868.741.499	41.591.397.465
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	121.766.977.474	96.528.580.748
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	28.730.822.217	1.105.530.447
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	505.728.673.060	438.445.287.533
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	7.152.802.111	11.037.128.999
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.236.315.244	588.805.273
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		318.181.818	55.988.590.560
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	318.181.818	318.181.818
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	-	55.670.408.742
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN MÁY ĐIỆN LẠNH VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q2.2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Q2-2020	Q2-2019	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	706.708.581.759	721.932.139.416	1.363.469.234.265	1.354.632.771.794
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	22.668.201.607	21.157.117.214	70.841.563.559	81.049.205.241
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		684.040.380.152	700.775.022.202	1.292.627.670.706	1.273.583.566.553
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	354.725.876.693	406.827.901.073	690.242.100.837	766.237.177.961
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		329.314.503.459	293.947.121.129	602.385.569.869	507.346.388.592
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.643.904.885	1.411.375.226	1.760.654.597	1.679.848.138
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	14.156.977.362	14.560.926.137	24.927.812.643	23.971.651.799
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.768.085.108	10.171.938.489	18.831.566.954	18.815.083.033
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	24	VI.6	196.214.319.732	191.928.781.453	343.972.685.902	344.195.435.217
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	35.015.329.808	29.763.398.693	66.145.179.820	59.974.631.450
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.571.781.442	59.105.390.072	169.100.546.101	80.884.518.264
12. Thu nhập khác	31	VI.8	7.181.087.276	9.043.874.909	13.228.912.990	10.041.179.481
13. Chi phí khác	32	VI.9	120.751.715	44.669.566	2.077.002.746	565.847.084
14. Lợi nhuận khác	40		7.060.335.561	8.999.205.343	11.151.910.244	9.475.332.397
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.632.117.003	68.104.595.415	180.252.456.345	90.359.850.661
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		19.671.609.401	13.889.575.831	37.479.936.476	17.756.524.142
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(878.167.850)	(108.878.059)	(294.079.887)	550.253.121

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN MÁY ĐIỆN LẠNH VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q2.2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

					Đơn vị tính: VND
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	73.838.675.452	54.323.897.643	143.066.599.756	72.053.073.398
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	73.037.577.690	54.323.897.643	141.714.029.281	72.053.073.398
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	801.097.762	-	1.352.570.475	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	776	2.044	1.029
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	776	2.044	1.029

Người lập biểu

Dư Thị Hương Huyền

Kế toán trưởng

Mai Thị Sen

Lập ngày 22 tháng 7 năm 2020

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thanh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN MÁY ĐIỆN LẠNH VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q2.2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	180.252.456.345	90.359.850.661
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02a V.10,V.11	16.827.837.340	10.103.353.661
- Lợi thế thương mại	02b	3.025.092.870	-
- Các khoản dự phòng	03	(5.415.562.564)	6.571.484.931
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	(509.248.622)	(1.011.494.915)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-
- Chi phí lãi vay	06 VI.5	18.831.566.954	18.815.083.033
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	213.012.142.323	124.838.277.371
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	67.409.999.857	7.055.545.503
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(136.991.807.791)	174.372.021.548
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	72.605.393.313	47.994.220.722
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(54.977.287.183)	(14.540.513.474)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(18.914.662.022)	(18.912.776.992)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.16	(24.654.289.270)	(3.335.237.634)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	540.840.217	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	118.030.329.444	317.471.537.044
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(27.716.762.740)	(124.415.443.108)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22 VI.8	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.936.165.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25 V.2	(48.925.400.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(101.578.327.740)	(124.415.443.108)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN MÁY ĐIỆN LẠNH VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q2.2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Đơn vị tính: VND

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.23	6.560.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	975.912.240.670	1.000.621.136.456
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(964.299.263.885)	(1.092.314.967.796)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(70.000.000.000)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.172.976.785	(161.693.831.340)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		34.624.978.489	31.362.262.596
			-	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	29.405.717.589	25.177.151.117
			-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.260)	1.280.665
			-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	64.030.692.818	56.540.694.378

Người lập biểu

Du Thị Hương Huyền

Kế toán trưởng

Mai Thị Sen

Lập, ngày 22 tháng 7 năm 2020

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thanh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Công ty con

Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Lắp ráp Công nghệ cao Kangaroo có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là sản xuất, lắp ráp các linh kiện sản phẩm gia dụng, điện lạnh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ Phần Sản Xuất Điện Gia Dụng Wellsys có trụ sở tại Số 4/333, Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất linh kiện điện tử, sản phẩm điện tử dân dụng, sản xuất máy thông dụng khác Tại ngày kết thúc kỳ kế toán tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con này là 59%, tỷ lệ quyền và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.827 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.704 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2020.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất 03 tháng đầu năm.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí phần mềm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí phần mềm

Chi phí phần mềm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hiệu lực của loại chi phí đó.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong năm trước. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất 03 tháng đầu năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất 03 tháng đầu của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	585.750.185	363.946.587
Tiền gửi ngân hàng	63.444.942.633	29.041.771.002
Cộng	<u>64.030.692.818</u>	<u>29.405.717.589</u>

2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201900680 ngày 26/06/2019 hình thức là mua một phần vốn điều lệ để tham gia quản lý và thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại nước ngoài. Tên dự án: Dự án đầu tư mua cổ phần của Công ty You and Me Solution Group Company Limited ở Myanmar giá trị tương đương 3.100.000(USD)(Ba triệu, một trăm nghìn đô la mỹ). Trong Quý 1/2020 đã hoàn thành việc đầu tư.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cao Phong	24.323.974.342	20.887.975.173
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	23.290.294.934	19.976.407.645
Công ty TNHH Dịch vụ EB	8.732.761.086	11.622.655.726
Công ty Cổ phần Thế giới Di động	175.554.804.286	168.698.556.002
Công ty Cổ phần Mediamart Việt Nam	117.550.731.671	120.371.891.451
Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VHC	16.409.520.059	16.887.970.089
You and Me Solution Group Co., Ltd	63.511.673.867	89.511.272.473
Các khách hàng khác	173.032.028.319	142.446.055.475
Cộng	<u>602.405.788.564</u>	<u>590.402.784.034</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Foshan Jiling Electric Appliance Technology Co., Ltd		10.482.540.739
Ningbo Singfun Electric Appliance Co. Ltd		4.463.347.129
Ningbo Shining International Trade Co., Ltd		7.814.130.466
Ningbo Kajafa electric Appliance Co., LTD	2.616.957.469	571.816.234
Zhejiang Suerda Sanitary Co., Ltd	1.162.400.000	1.162.400.000
Công ty TNHH SX thương mại Uyên Phát	1.424.310.104	286.408.145
Guangdong zhanjiang household electric appliances industrial Co., ltd	3.717.591.146	413.839.621
Njn Service Part Company Limited	111.989.702	1.686.392.994
Công ty TNHH Force Unique Việt Nam	1.552.375.000	
Phạm Ngọc Triều		55.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	<u>18.229.044.155</u>	<u>24.045.812.268</u>
Cộng	<u>28.814.667.576</u>	<u>105.926.687.596</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan (Tạm ứng)	300.000.000		20.000.000	
Ông Lê Xuân Hoàn	300.000.000		20.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	14.300.800.963		8.263.758.470	
Ký cược, ký quỹ	1.412.848.429		1.111.000.000	
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	13.711.119		12.608.600	
Tạm ứng	7.452.107.954		5.083.119.033	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.620.896.922		2.057.030.837	
Cộng	<u>11.799.564.424</u>		<u>8.283.758.470</u>	

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu tư & Thương mại Topcare			1.074.289.940	
Dự phòng các đơn vị khác	<u>6.510.548.408</u>		<u>6.469.754.072</u>	
Cộng	<u>6.510.548.408</u>		<u>7.544.044.012</u>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	<u>7.544.044.012</u>
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	<u>-1.033.495.604</u>
Số cuối kỳ	<u>6.510.548.408</u>

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	17.669.107.286		25.853.058.839	
Nguyên liệu, vật liệu	129.014.096.226		113.037.956.012	
Công cụ, dụng cụ	23.466.516		116.332.419	
Thành phẩm	105.644.387.896		26.849.627.392	
Hàng hóa	<u>320.591.953.779</u>	<u>2.235.682.583</u>	<u>270.094.229.250</u>	<u>2.733.422.655</u>
Cộng	<u>572.943.011.703</u>	<u>2.235.682.583</u>	<u>435.951.203.912</u>	<u>2.733.422.655</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	495.031.669	539.773.525
Chi phí quảng cáo	12.499.997	880.520.458
Chi phí thuê vị trí quảng cáo	5.266.738.260	2.329.264.446
Chi phí thi công quầy kệ, biển quảng cáo	116.666.668	649.247.702
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	283.636.364	450.719.697
Chi phí bảo hiểm	551.469.146	412.908.266
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>892.219.753</u>	<u>1.157.603.785</u>
Cộng	<u>7.618.261.857</u>	<u>6.420.037.879</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.689.799.150	2.030.233.918
Chi phí phần mềm	65.857.162	52.441.665
Chi phí thuê vị trí quảng cáo, quảng cáo	6.088.315.916	9.085.569.768

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thiết kế	1.943.685.560	2.664.623.714
Chi phí sửa chữa	22.581.211.929	26.824.480.969
Chi phí thuê đất	26.615.771.889	26.902.476.795
Các chi phí trả trước dài hạn khác	842.032.624	989.641.588
Cộng	<u>61.826.674.230</u>	<u>68.549.468.417</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	206.376.126.070	66.464.533.809	29.094.522.155	27.638.247.684	82.097.045	329.655.526.763
Mua trong kỳ		8.139.438.036		3.963.282.128		12.102.720.164
Tăng khác (Công ty con)		8.287.582.690				8.287.582.690
Đầu tư XDCB hoàn thành Thanh lý, nhượng bán	339.764.700	5.034.184.815				5.373.949.515
Số cuối kỳ	206.715.890.770	87.925.739.350	29.094.522.155	31.601.529.812	82.097.045	355.419.779.132
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.633.029.789	14.487.506.092	5.610.559.418	2.195.894.947		25.926.990.246
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	24.995.844.753	31.465.882.491	17.791.364.316	4.203.269.006	76.175.340	78.532.535.906
Khấu hao trong kỳ	6.207.436.218	5.918.783.007	2.090.623.384	2.035.424.255	5.075.760	16.257.342.624
Tăng khác (Công ty con)	-	1.474.864.163	-	-	-	1.474.864.163
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	31.203.280.971	38.859.529.661	19.881.987.700	6.238.693.261	81.251.100	96.264.742.693
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	181.380.281.317	34.998.651.318	11.303.157.839	23.434.978.678	5.921.705	251.122.990.857
Số cuối kỳ	175.512.609.799	49.066.209.689	9.212.534.455	25.362.836.551	845.945	259.155.036.439

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	4.209.760.000	1.890.912.579	2.318.847.421
Mua trong năm			
Tặng khác (Công ty con đầu tư)	115.000.000	72.583.308	
Khấu hao trong năm		570.494.716	
Số cuối kỳ	4.324.760.000	2.533.990.603	1.790.769.397

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	9.078.387.977	149.200.000		9.078.387.977
Xây dựng cơ bản dở dang	4.124.828.149	7.062.259.886	(5.373.949.515)	5.813.138.520
<i>Công trình xây dựng mở rộng nhà máy mới</i>	4.124.828.149	7.062.259.886	(5.373.949.515)	5.813.138.520
<i>Chi phí tiền thuê đất</i>				
Sửa chữa lớn tài sản cố định				
<i>Công trình sửa chữa phòng họp, vật kiến trúc</i>				
Cộng	13.203.216.126	7.211.459.886	(5.373.949.515)	15.040.726.497

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.562.600.799	1.299.530.473
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	294.079.887	263.070.324
Số cuối năm	1.856.680.686	1.562.600.797

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Guangdong Enaiter Electrical Appliance Co.;Ltd	743.098.232	435.865.715
Liuzhou Dragon Sea Trading Co., Ltd		5.585.999.214
Zhejiang Xingxing Refrigeration Co., Ltd		9.003.619.746
Ningbo Shining International Trade Co., Limited	10.851.945.001	
Ningbo Ider Industries Co., Limited	4.535.394.400	
Cixi Yuzhou Electrical Appliance Co.,Ltd.	11.552.829.120	
Công ty Cổ phần Logistics Nguyễn Phát	5.352.367.548	2.306.344.386
Toray International Singapore PTE LTD	4.227.576.600	
Công ty TNHH một thành viên Plastic Tiến Dũng	5.103.929.355	
Công ty TNHH sản xuất và thương mại HS Việt Nam	3.143.183.670	
Zhongshan Newecan Enterprise Development Co., Ltd	-	8.455.846.564
Shuiyi Holding Group Co.,Ltd	5.856.504.264	11.063.676.031
Các nhà cung cấp khác	82.733.075.957	68.756.917.053
Cộng	134.099.904.147	107.543.327.709

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hải Lộc	377.386.667	1.372.222.276
Công ty cổ phần xi măng Thành Thắng Group	831.600.000	415.800.000
Các khách hàng khác	2.895.910.866	5.205.277.968
Cộng	4.104.897.533	6.993.300.244

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.254.780.470		22.549.905.011	(28.026.966.666)	3.777.718.816	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	393.214.765	354.323	56.631.942.791	(57.026.266.301)		1.108.745
Thuế Tiêu thụ đặc biệt			7.762.123.975	(7.762.123.975)		
Thuế xuất, nhập khẩu	2.937.305	4.121.505	13.567.335.115	(13.566.150.918)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.328.018.938		37.479.936.476	(24.654.289.268)	23.502.285.895	
Thuế thu nhập cá nhân	1.079.328.219		10.092.160.312	(9.123.700.883)	2.047.787.648	
Các loại thuế khác			142.574.264	(142.574.264)		
Cộng	21.058.279.697	4.475.828	148.225.977.944	(140.302.072.275)	29.327.792.359	1.108.745

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	37.479.936.476	17.757.158.490
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	37.479.936.476	17.757.158.490

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	585.848.653	668.943.721
Trích trước chi phí vận chuyển	9.487.196.623	2.309.001.551
Chi phí chiết khấu thương mại phải trả	78.200.439.411	73.543.727.131
Chi phí khuyến mại phải trả	15.807.148.653	4.777.833.294
Chi phí quảng cáo	5.480.392.915	7.542.400.284
Chi phí bảo hành	5.671.287.733	3.194.060.807
Chi phí thuê địa điểm đặt pano, biển bảng, quầy kệ	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.534.663.486	4.492.613.960
Cộng	<u>121.766.977.474</u>	<u>96.528.580.748</u>

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	688.292.665	456.910.215
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.200.949.723	99.739.665
Phải trả tiền chế độ ốm đau, thai sản		82.615.530
Phải trả ngân hàng khoản thanh toán UPAS	26.537.352.335	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	304.227.494	466.265.037
Cộng	<u>28.730.822.217</u>	<u>1.105.530.447</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	476.144.508.060	417.339.462.955
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾	226.247.800.806	182.776.159.489
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ⁽ⁱⁱ⁾	246.800.942.953	198.989.602.628
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- Chi nhánh Hải Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.095.764.301	35.573.700.838
Vay cá nhân	29.584.165.000	
Vay dài hạn đến hạn trả		21.105.824.578
Cộng	<u>505.728.673.060</u>	<u>438.445.287.533</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/4541146/HĐTD ngày 25/04/2019 với hạn mức cho vay không vượt quá 200.000.000.000 VND và hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2020/4541146/HĐTD ngày 28/04/2020 với hạn mức cho vay không vượt quá 350.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng theo thời gian nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên thứ ba là Ông Lê Xuân Hoàn cùng vợ là bà Nguyễn Thị Bình, ông Lê Hồng Đông cùng vợ là bà Nghiêm Thị Thanh Hiếu.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng số 01/2019/5628716/HĐTD ngày 09 tháng 07 năm 2019 với hạn mức vay tối đa 200.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 338/2019-HĐCVHM/NHCT124-VIETUC ngày 15/10/2019 với hạn mức cho vay không vượt quá 350.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng cho từng lần giải ngân. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng một số tài sản thế chấp của Công ty (xem thuyết minh số V.9), Công ty TNHH MTV Sản xuất Lắp ráp Công Nghệ cao Kangaroo và tài sản đảm bảo của bên thứ 3 là bất động sản của các cá nhân là Ông Nguyễn Thành Phương.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 190010/NHNTHD ngày 19/02/2019, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/190010/NHNTHD ngày 23/05/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/190010/NHNTHD ngày 22/10/2019 với hạn mức cho vay không vượt quá 10.000.000.000 VND, và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 200031/CTD/NHNTHD ngày 24/06/2020 với hạn mức cho vay không vượt quá 25.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 05 tháng cho từng lần giải ngân. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng theo thời gian nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng một số tài sản thế chấp của Công ty (xem thuyết minh số V.9) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba là bất động sản của các cá nhân là Ông Lê Hồng Đông, Bà Nghiêm Thị Thanh Hiếu.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng số 190030/CTD/NHNTHD ngày 23 tháng 05 năm 2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/190030/HM/NHNTHD ngày 12/09/2019 với hạn mức cho vay tối đa 33.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	417.339.462.955	975.912.240.670		(940.473.912.242)	505.728.673.060
Vay dài hạn đến hạn trả	21.105.824.578			(21.105.824.578)	
Cộng	438.445.287.533	975.912.240.670		(961.579.736.820)	505.728.673.060

18b. Vay dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾		51.702.942.720
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ⁽ⁱⁱ⁾		3.967.466.022
Cộng		55.670.408.742

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Hợp đồng vay trung hạn Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng số 02/2018/5628716/HĐTD ngày 15 tháng 11 năm 2018. Vay mục đích mở rộng nhà máy sản xuất tại khu công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Thời hạn của khoản vay theo hợp đồng là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 9%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay là bất động sản hình thành trong tương lai.

(ii) Hợp đồng vay trung hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng số 180032/NHNTHD ngày 21 tháng 06 năm 2018. Vay mục đích đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Thời hạn của khoản vay theo hợp đồng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay. Hạn mức cho vay tối đa là 10.000.000.000 VND. Lãi suất thả nổi. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp cho khoản vay là hệ thống máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất thuộc sở hữu của công ty TNHH MTV Sản xuất Lắp ráp Công nghệ cao Kangaroo theo hợp đồng thế chấp số 180031B/TC/NHNTHD ngày 17 tháng 4 năm 2018.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 190035/NHNTHD ngày 17 tháng 9 năm 2019, với hạn mức cho vay là 9.000.000.000 VND để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất cơ sở 6,8%/ năm + lãi suất biên 3,3%/năm và thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay.

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng bảo hành hàng hoá. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.037.128.999	23.813.887.149
Tăng do trích lập	-	1.361.986.736
Số sử dụng	(3.884.326.888)	(14.138.744.886)
Số hoàn nhập		
Số cuối kỳ	7.152.802.111	11.037.128.999

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	316.902.636	880.505.160	1.087.407.796
Quỹ phúc lợi	271.902.637	880.505.161	1.148.907.448

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Số cuối kỳ
Cộng	588.805.273	1.761.010.321	2.236.315.244

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh		
Số cuối năm		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông thiểu số	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	700.000.000.000		9.507.079.090	104.010.263.597	813.517.342.687
Lợi nhuận trong kỳ trước	-			121.022.583.858	121.022.583.858
Số dư cuối kỳ trước	700.000.000.000		9.507.079.090	85.032.847.455	794.539.926.545
Số dư đầu năm nay(1/1)	700.000.000.000	7.156.336.389	9.507.079.090	85.032.847.455	801.695.962.934
Lợi nhuận trong kỳ này	-	1.352.570.475		141.714.029.281	143.066.599.756
Trích quỹ đầu tư phát triển và phúc lợi	-		20.364.025.619	(22.125.035.940)	(1.761.010.321)

Số dư cuối kỳ này

700.000.000.000	8.508.906.864	29.871.104.709	204.621.840.796	943.001.552.369
------------------------	----------------------	-----------------------	------------------------	------------------------

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Công nghệ cao Toàn Cầu	505.113.870.000	175.000.000.000
Ông Nguyễn Thành Phương	185.735.110.000	41.167.600.000
Ông Lê Xuân Hoàn	9.151.020.000	34.307.900.000
Các cổ đông khác	700.000.000.000	700.000.000.000
Cộng		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	314.791,98	41.388,48

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	495.647.828.422	460.631.941.103
Doanh thu bán thành phẩm	211.060.753.337	261.300.198.313
Cộng	<u>706.708.581.759</u>	<u>721.932.139.416</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	16.405.742.062	8.158.113.727
Hàng bán bị trả lại	6.262.459.545	12.897.229.720
Giảm giá hàng bán		101.773.767
Cộng	<u>22.668.201.607</u>	<u>21.157.117.214</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	232.026.664.412	167.877.247.290
Giá vốn của thành phẩm đã bán	122.699.212.281	238.950.653.783
Dự phòng dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	<u>354.725.876.693</u>	<u>406.827.901.073</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lãi tiền gửi	89.771.204	14.908.347
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.044.885.059	1.396.466.879
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	509.248.622	
Cộng	<u>1.643.904.885</u>	<u>1.411.375.226</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.768.085.108	10.171.938.489
Chiết khấu thanh toán cho người mua	3.755.739.497	3.671.155.750
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	633.152.757	717.831.898
Chi phí khác		
Cộng	<u>14.156.977.362</u>	<u>14.560.926.137</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	59.103.611.944	58.826.271.697
Chi phí bảo hành	6.448.564.627	6.189.172.031
Chi phí khuyến mại, chiết khấu	92.391.228.323	83.090.388.484
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	14.448.090.897	16.540.436.983
Chi phí quảng cáo, hội chợ	11.223.501.983	19.807.118.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.895.241.004	4.824.888.731
Chi phí khác	7.704.080.954	2.650.504.652
Cộng	<u>196.214.319.732</u>	<u>191.928.781.453</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19.603.798.340	14.125.930.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định, ccđc	3.498.066.367	4.408.223.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.156.256.036	2.917.547.765
Các chi phí khác	8.757.209.065	8.311.697.040
Cộng	35.015.329.808	29.763.398.693

8. Thu nhập khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Các khoản nợ không không phải trả		
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	5.726.891.875	8.611.778.730
Cước phân chia dịch vụ	208.765.898	62.741.208
Chênh lệch hàng thừa do kiểm kê	877.922.367	
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định		
Thu nhập khác	367.507.136	369.354.971
Cộng	7.181.087.276	9.043.874.909

9. Chi phí khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu		19.325.910
Phí lưu cont		
Phạt vi phạm hợp đồng		
Chi phí thanh lý vật tư	-	
Chi phí khác	120.751.715	25.343.656
Cộng	120.751.715	44.669.566

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		603.575.788
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(878.167.850)	(650.904.500)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(61.549.347)
Cộng	(878.167.850)	(108.878.059)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.838.675.452	54.323.897.643
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	73.838.675.452	54.323.897.643
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm/ kỳ	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.043</u>	<u>776</u>

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu	60.142.835.587	31.954.260.084
Chi phí nhân công	78.707.410.284	85.990.099.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.702.643.273	9.017.521.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.005.149.620	69.523.798.291
Chi phí khác	114.538.755.350	25.206.501.025
Cộng	<u>270.096.794.114</u>	<u>221.692.180.146</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn là các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>năm nay</u>	<u>năm trước</u>
Số tiền vay phát sinh trong năm	24.936.165.000	
Số tiền trả gốc vay trong năm		

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>năm nay</u>	<u>năm trước</u>
Thu nhập	6.704.772.864	6.697.668.788
Cộng	<u>6.704.772.864</u>	<u>6.697.668.788</u>

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Khu vực miền Bắc</u>	<u>Khu vực miền Trung</u>	<u>Khu vực miền Nam</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	614.926.915.777	164.122.165.456	513.578.589.473		1.292.627.670.706

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	908.955.136.387	1.462.550.700	3.696.007.273	(914.113.694.360)	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.523.882.052.164	165.584.716.156	517.274.596.746	(914.113.694.360)	1.292.627.670.706
Giá vốn	(1.208.319.173.957)	(93.402.371.081)	(294.658.860.906)	906.138.305.107	(690.242.100.837)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	320.721.436.180	70.719.794.375	218.919.728.567	(7.975.389.253)	602.385.569.869
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	320.721.436.180	70.719.794.375	218.919.728.567	(7.975.389.253)	602.385.569.869
Doanh thu hoạt động tài chính	6.149.502.791	2.484.622	77.975.691	(4.469.308.507)	1.760.654.597
Chi phí tài chính	(20.672.145.530)	(1.475.681.118)	(7.249.294.502)	4.469.308.507	(24.927.812.643)
Chi phí bán hàng	(185.460.820.072)	(35.398.535.472)	(126.822.171.446)	3.708.841.088	(343.972.685.902)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(47.850.991.811)	(3.358.447.051)	(12.134.755.642)	(2.800.985.316)	(66.145.179.820)
Thu nhập khác	13.043.902.137	435.107.688	12.051.807	(262.148.642)	13.228.912.990
Chi phí khác	(2.075.466.367)	(1.107.335)	(429.044)		(2.077.002.746)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(16.734.592.245)	(6.100.111.966)	(14.645.232.265)		(37.479.936.476)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(566.837.963)			860.917.850	294.079.887
Lợi nhuận					

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<i>143.066.599.756</i>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	15.402.520.421		3.989.223.946		19.391.744.367
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.467.081.333	83.602.481	449.653.526		17.000.337.340
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	703.933.354.572	147.447.940.274	421.831.956.214		1.273.213.251.060
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	515.428.745.044		2.574.463.420	(517.632.892.971)	370.315.493
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.219.362.099.616	147.447.940.274	424.406.419.634	(517.632.892.971)	1.273.583.566.553
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	283.413.858.137	58.360.418.079	164.854.935.304	717.177.072	507.346.388.592
Doanh thu hoạt động tài chính	1.612.898.025	87.377.757	3.218.174	(23.645.818)	1.679.848.138
Chi phí tài chính	(23.095.143.107)	(681.850.622)	(4.409.450.643)	4.214.792.573	(23.971.651.799)
Chi phí bán hàng	(204.667.550.475)	(37.002.554.614)	(113.807.238.827)	11.281.908.699	(344.195.435.217)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(43.888.088.088)	(2.721.661.775)	(13.364.881.587)	-	(59.974.631.450)
Thu nhập khác	22.417.200.293	60.569.490	144.233.385	(12.574.790.861)	10.047.212.307
Chi phí khác	(83.193.335)	(5.094.494)	(108.626)	-	(88.396.455)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(6.833.431.605)	(3.925.022.764)	(6.587.444.745)	(410.625.028)	(17.756.524.142)
Chi phí thuế thu nhập				(550.253.121)	(550.253.121)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.876.549.845	14.172.181.057	26.349.778.980	2.654.563.516	72.053.073.398
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	124.415.443.108				124.415.443.108
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.577.444.422	189.501.224	2.225.433.286		17.992.378.932

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.413.511.785.673	112.849.746.171	288.118.747.301	(1.856.680.686)	1.812.623.598.459
Tài sản phân bổ cho bộ phận					3.713.361.372
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					
Tổng tài sản					1.816.336.959.831
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	866.416.849.297	216.300.074.969	83.181.137.341	(292.562.954.145)	873.335.107.462
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả					873.335.107.462
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.283.693.454.763	73.917.593.599	235.294.921.483	(275.086.441.107)	1.317.819.528.738

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2020

Quý II, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020 (tiếp theo)

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					257.600.980.805
Tổng tài sản					1.575.420.509.543
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	773.372.631.430	15.487.405.964	51.361.338.767	(214.064.904.248)	626.156.471.913
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					154.724.111.085
Tổng nợ phải trả					780.880.582.998

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, phân phối sản phẩm điện tử dân dụng.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.2020.

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu

Dư Thị Hương Huyền

Kế toán trưởng

Mai Thị Sen

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thanh Hà